

Số: *180* /KH-UBND

*Yên Bái, ngày 30 tháng 7 năm 2021*

## **KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện lập quy hoạch vùng huyện; quy hoạch chung,  
quy hoạch phân khu các đô thị; quy hoạch chung các xã định hướng  
thành đô thị trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 871/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 18/12/2020 của Tỉnh ủy Yên Bái về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt đồ án quy hoạch vùng tỉnh Yên Bái đến năm 2030, định hướng đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 116/UBND-XD ngày 25/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Yên Bái đến năm 2030.

Trên cơ sở đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1513/TTr-SXD ngày 01/7/2021 và ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kết luận số 196-KL/TU ngày 23/7/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển

khai thực hiện lập quy hoạch vùng huyện; quy hoạch chung, quy hoạch phân khu các đô thị; quy hoạch chung các xã định hướng thành đô thị trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, với nội dung như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 30/10/2020 của Tỉnh ủy Yên Bái về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Cụ thể hóa Chương trình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025; Quy hoạch vùng tỉnh Yên Bái đến năm 2030, định hướng đến năm 2050;

- Là căn cứ để các Sở, Ban, Ngành chức năng của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển quỹ đất nhằm thúc đẩy sự phát triển không gian đô thị của các địa phương, góp phần thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 theo đúng định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái;

- Tổ chức triển khai các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, từng bước nâng tỉ lệ phù hợp quy hoạch xây dựng các đô thị trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị đối với công tác quản lý quy hoạch đô thị gắn với mục tiêu thu hút đầu tư phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Phân công trách nhiệm cụ thể cho các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để chủ động triển khai thực hiện đúng kế hoạch đề ra theo lĩnh vực quản lý;

- Đề xuất các cơ chế, chính sách nhằm thực hiện các quy hoạch được khả thi, kịp thời theo đúng tiến độ và trình tự ưu tiên.

### **2. Yêu cầu**

- Các quy hoạch cần được tiến hành khẩn trương, đảm bảo chất lượng, đồng bộ, có sự phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương và các đơn vị tư vấn có liên quan, đáp ứng tiến độ kế hoạch.

- Kế hoạch thực hiện đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, phù hợp thực tiễn đầu tư xây dựng, quản lý và phát triển đô thị. Làm cơ sở lựa chọn đầu tư có trọng tâm, không dàn trải, tập trung cho các dự án trọng điểm, hạ tầng khung, tạo động lực phát triển và góp phần tạo sự đột phá, chuyển biến trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, quản lý đô thị trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

- Kiểm tra, giám sát có hiệu quả đối với các đồ án quy hoạch trong triển khai xây dựng và quản lý quy hoạch xây dựng.

## II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

### 1. Nội dung công việc

- Tổ chức rà soát quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung các đô thị mới, các thị trấn trên địa bàn tỉnh theo quy định để có cơ sở xem xét điều chỉnh, bổ sung và lập mới quy hoạch chung xây dựng các đô thị.

- Nghiên cứu đề tổ chức điều chỉnh, lập mới các đồ án quy hoạch phân khu xây dựng phù hợp với tình hình phát triển, nhu cầu đầu tư và yêu cầu quản lý.

- Dự kiến số đồ án quy hoạch xây dựng thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 là 41 đồ án, bao gồm:

+ 05 đồ án quy hoạch vùng huyện.

+ 26 đồ án quy hoạch chung.

+ 10 đồ án quy hoạch phân khu.

### 2. Kinh phí thực hiện

- Dự kiến kinh phí thực hiện lập quy hoạch trong giai đoạn 2021-2025 khoảng 84.636 triệu đồng (tám mươi tư tỷ, sáu trăm ba mươi sáu triệu đồng) trong đó: kinh phí lập quy hoạch dự kiến là 71.416 triệu đồng; kinh phí khảo sát, thu thập bản đồ dự kiến là 13.220 triệu đồng.

- Nguồn vốn thực hiện thực hiện lập quy hoạch trong giai đoạn 2021-2025 từ nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện), nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo).*

## III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### 1. Nguồn vốn, kinh phí thực hiện

- Đối với các đồ án quy hoạch vùng huyện: Nguồn vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Đối với các đồ án quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng các xã phục vụ mục tiêu nâng cấp lên đô thị loại V: Nguồn vốn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thị xã, thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Quy hoạch phân khu đô thị tại thị xã Nghĩa Lộ và thành phố Yên Bái: Nguồn vốn ngân sách thị xã, thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Ưu tiên vận động các nguồn vốn xã hội hóa để thực hiện các đồ án quy hoạch theo kế hoạch.

### 2. Nguồn nhân lực

- Đối với huyện, thị xã, thành phố: Chủ động sắp xếp cán bộ và kiến nghị bổ sung các cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ đủ điều kiện thực hiện việc tham mưu cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức lập, thẩm định trình phê duyệt các quy hoạch thuộc thẩm quyền và các nhiệm vụ được giao, đặc biệt các cán bộ có trình độ nghiệp vụ trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch, giao thông và chuẩn bị kỹ thuật.

- Quá trình lập quy hoạch, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị Chủ đầu tư phải thực hiện tốt công tác lựa chọn đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm để đảm bảo chất lượng, tiến độ lập quy hoạch.

### **3. Khoa học công nghệ**

- Khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng phục vụ cho nhiệm vụ xây dựng, phát triển và quản lý, cải tạo, xây dựng và hiện đại hóa đô thị. Huy động các nguồn lực để đầu tư cho công nghệ thông tin trong công tác quản lý không gian đô thị.

- Huy động tiềm năng trí tuệ, phát huy vai trò của các chuyên gia, các công dân có kinh nghiệm trong công tác tư vấn, đặc biệt là các đơn vị tư vấn có kinh nghiệm, có năng lực chuyên môn cao trong nước và nước ngoài đã tham gia thực hiện tại Việt Nam, đảm bảo chất lượng và tiến độ đồ án, nhằm tiếp cận kinh nghiệm và các phương pháp nghiên cứu, quản lý quy hoạch tiên tiến và khu vực gắn với điều kiện thực tế trên các đô thị của tỉnh Yên Bái.

### **4. Cơ chế chính sách, cải cách hành chính**

- Xây dựng cơ chế, chính sách quản lý và khai thác nguồn lực đất đai, kế hoạch sử dụng đất phù hợp với các chương trình phát triển liên quan tạo điều kiện tối đa tạo động lực phát triển đô thị. Huy động các nguồn vốn từ xã hội để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị và cải tạo chỉnh trang đô thị.

- Thực hiện cải cách hành chính tiến tới giảm thiểu thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết thiết kế lập quy hoạch đến thẩm định, phê duyệt quy hoạch. Xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng cá nhân, mối quan hệ phối hợp trong xây dựng, phát triển và quản lý đô thị, bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của đô thị.

### **5. Công tác phối hợp**

- Tăng cường trao đổi, phối hợp giữa Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố với các sở, ngành liên quan để kịp thời tháo gỡ các vướng mắc trong công tác triển khai các quy hoạch ngành và chuyên ngành và các công việc liên quan đến việc lập quy hoạch xây dựng và đầu tư xây dựng. Đặc biệt việc áp dụng linh hoạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn, thông tư, nghị định hoặc các văn bản đã ban hành vào thực tiễn phát triển tại tỉnh Yên Bái.

- Sở Xây dựng thẩm định các đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với các đồ án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố cần phối hợp với các cơ quan liên quan tham gia thực hiện công tác lập thẩm định trình duyệt quy hoạch, đảm bảo cập nhật đầy đủ thông tin, tiết kiệm thời gian, hạn chế tối đa việc chỉnh sửa hay điều chỉnh sau khi quy hoạch được phê duyệt.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan theo kế hoạch nhằm tháo gỡ kịp thời các vướng mắc trong quá trình thực hiện các công việc được giao, đảm bảo sự đồng bộ trong công tác quản lý.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Xây dựng**

- Là cơ quan đầu mối theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc tiến độ thực hiện lập, thẩm định quy hoạch vùng huyện; quy hoạch chung, quy hoạch phân khu các đô thị; quy hoạch chung các xã định hướng thành đô thị trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025 theo Kế hoạch được phê duyệt. Chịu trách nhiệm tổng hợp, kiểm tra, giám sát tiến độ, chất lượng thực hiện; định kỳ hàng quý (hoặc có yêu cầu đột xuất) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh nội dung và tiến độ thực hiện.

- Tổ chức thẩm định và trình phê duyệt các đồ án quy hoạch theo kế hoạch và nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm quản lý và khai thác các hồ sơ quy hoạch, phục vụ công tác quản lý quy hoạch kiến trúc trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

- Tham gia hướng dẫn, góp ý nội dung quy hoạch, tham gia ý kiến thỏa thuận đối với các đồ án quy hoạch do các Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thực hiện theo lĩnh vực được giao.

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Quy hoạch và các quy định hiện hành khác.

- Tham gia ý kiến vào các đồ án quy hoạch đối với nội dung về sự phù hợp với quy hoạch tỉnh.

### **3. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Chịu trách nhiệm trong công tác thẩm định đồ án quy hoạch đối với nội dung sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đánh giá sơ bộ tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược.

- Phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện lồng ghép các quỹ đất dự kiến phát triển thu ngân sách trong giai đoạn 2021-2025 vào các đồ án quy hoạch.

### **4. Sở Tài chính**

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan tham mưu bố trí kế hoạch vốn hằng năm để thực hiện lập quy hoạch xây dựng. Xây dựng các cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực tài chính phục vụ cho công tác lập quy hoạch xây dựng.

- Phối hợp tham gia ý kiến thẩm định đồ án quy hoạch.

### **5. Công An tỉnh**

- Chịu trách nhiệm trong công tác thẩm định đồ án quy hoạch đối với nội dung về an toàn phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

- Phối hợp tham gia thẩm định nội dung về An ninh trật tự đối với quy hoạch các vùng huyện, quy hoạch chung, quy hoạch phân khu các đô thị trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

## 6. Các sở, ban, ngành có liên quan

Chịu trách nhiệm trong công tác thẩm định đề án quy hoạch đối với nội dung sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực được giao.

## 7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các đề án quy hoạch thuộc địa bàn mình quản lý theo nhiệm vụ được giao (trong đó lưu ý lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch có năng lực, kinh nghiệm để đảm bảo chất lượng, tiến độ lập quy hoạch); lấy ý kiến tham gia góp ý nội dung quy hoạch của Sở Xây dựng và các ngành liên quan trước khi phê duyệt đề án quy hoạch.

- Bố trí nguồn vốn để thực hiện kế hoạch lập quy hoạch xây dựng đối với các đề án sử dụng vốn ngân sách huyện, thị xã, thành phố; đồng thời, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn vốn được giao, đảm bảo đúng mục đích và hiệu quả.

- Thực hiện việc quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt tại địa phương; chủ động rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ trong công tác quản lý quy hoạch, kiến trúc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Trên đây là nội dung Kế hoạch triển khai thực hiện lập quy hoạch vùng huyện; quy hoạch chung, quy hoạch phân khu các đô thị; quy hoạch chung các xã định hướng thành đô thị trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021-2025. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Xây dựng tổng hợp) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận: *ng*

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó CVP.UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, XD. *ng*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*Handwritten signature of Trần Huy Tuấn*

Trần Huy Tuấn



**DANH MỤC CÁC ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG TRIỂN KHAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI**  
**GIAI ĐOẠN 2021÷2025**

(Phụ lục kèm theo Kế hoạch số **180** /KH-UBND ngày **30** /~~7~~2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Danh mục đồ án quy hoạch	Thời gian thực hiện	Dự kiến quy mô	Dự kiến kinh phí lập quy hoạch	Dự kiến kinh phí khảo sát, thu thập bản đồ	Chủ đầu tư	Cấp đô thị (giai đoạn) theo Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	Nguồn vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>I Quy hoạch vùng huyện</b>									
1.1	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Tỉ lệ 1/25000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới huyện Yên Bình: Diện tích: Khoảng 772,618km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 112.743, dân số quy hoạch đến năm 2030 khoảng:116.000 người, đến năm 2050 khoảng 126.000 người.	3.000	200	UBND huyện Yên Bình		Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hoàn thành đạt tiêu chí 01 của huyện nông thôn mới; Chi phí khảo sát: Dự kiến mua bản đồ số tỷ lệ 1/25.000
1.2	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Tỉ lệ 1/25000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới huyện Văn Yên: Diện tích: Khoảng 1.390,43km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 125.743 người, dân số quy hoạch đến năm 2030 khoảng:120.000 người, đến năm 2050 khoảng 130.000 người.	3.300	300	UBND huyện Văn Yên		Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hoàn thành đạt tiêu chí 01 của huyện nông thôn mới; Chi phí khảo sát: Dự kiến mua bản đồ số tỷ lệ 1/25.000
1.3	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Tỉ lệ 1/25000	Năm 2022÷2023	Toàn bộ ranh giới huyện Văn Yên: Diện tích: Khoảng 808,983km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 109.407 người, dân số quy hoạch đến năm 2030 khoảng:120.000 người, đến năm 2050 khoảng 130.000 người.	3.000	250	UBND huyện Lục Yên		Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hoàn thành đạt tiêu chí 01 của huyện nông thôn mới; Chi phí khảo sát: Dự kiến mua bản đồ số tỷ lệ 1/25.000

Stt	Danh mục đồ án quy hoạch	Thời gian thực hiện	Dự kiến quy mô	Dự kiến kinh phí lập quy hoạch	Dự kiến kinh phí khảo sát, thu thập bản đồ	Chủ đầu tư	Cấp đô thị (giai đoạn) theo Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	Nguồn vốn	Ghi chú
1.4	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Tỉ lệ 1/25000	Năm 2023÷2024	Toàn bộ ranh giới huyện Văn Chấn: Diện tích: Khoảng 1.129.90km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 116.804 người, dân số quy hoạch đến năm 2030 khoảng: 127.000 người, đến năm 2050 khoảng 150.000 người.	3.100	300	UBND huyện Văn Chấn		Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hoàn thành đạt tiêu chí 01 của huyện nông thôn mới; Chi phí khảo sát: Dự kiến mua bản đồ số tỷ lệ 1/25.000
1.5	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Tỉ lệ 1/25000	Năm 2024÷2025	Toàn bộ ranh giới huyện Trạm Tấu: Diện tích: Khoảng 743,336km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 33.123 người, dân số quy hoạch đến năm 2030 khoảng: 36.000 người, đến năm 2050 khoảng 44.000 người.	2.800	250	UBND huyện Trạm Tấu		Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hoàn thành đạt tiêu chí 01 của huyện nông thôn mới; Chi phí khảo sát: Dự kiến mua bản đồ số tỷ lệ 1/25.000
<b>II Quy hoạch chung</b>									
<b>1</b>	<b>Thị xã Nghĩa Lộ</b>								
1.1	Điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Nghĩa Lộ đến năm 2040, tầm nhìn 2060. Tỉ lệ 1/10000	Năm 2024÷2025	Toàn bộ ranh giới thị xã Nghĩa Lộ: Diện tích: Khoảng 107,78km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 68.200 người, dân số quy hoạch: 80.000 người	3.900	300	Sở Xây dựng	Định hướng Đồ thị loại III giai đoạn (2021÷2025)	Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	Chi phí khảo sát: Dự kiến rà soát lại kết quả khảo sát đã có
<b>2</b>	<b>Huyện Lục Yên</b>								
2.1	Quy hoạch chung thị trấn Yên Thế và vùng phụ cận đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới thị trấn Yên Thế, xã Yên Thắng và một phần các xã Liễu Đô, Tân Lĩnh, Minh Xuân: Diện tích: Khoảng 45km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 22.000, dân số quy hoạch: 30.000 người	3.200	500	UBND huyện Lục Yên	Định hướng Đồ thị loại IV giai đoạn (2026÷2030)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Chi phí khảo sát: Dự kiến rà soát lại kết quả khảo sát đã có, do bổ sung diện tích vùng phụ cận



Stt	Danh mục đồ án quy hoạch	Thời gian thực hiện	Dự kiến quy mô	Dự kiến kinh phí lập quy hoạch	Dự kiến kinh phí khảo sát, thu thập bản đồ	Chủ đầu tư	Cấp đô thị (giai đoạn) theo Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	Nguồn vốn	Ghi chú
2.2	Quy hoạch chung xây dựng xã Khánh Hòa, huyện Lục Yên đến năm 2035. Tỉ lệ 1/10000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới xã Khánh Hòa: Diện tích khoảng 50km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng khoảng 3.161 người, dân số quy hoạch 5000 người	300	150	UBND huyện Lục Yên	Định hướng Đô thị loại V giai đoạn (2021÷2025)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, do bổ sung diện tích khu trung tâm xã
3	<b>Huyện Mù Cang Chải</b>								
3.1	Quy hoạch chung thị trấn Mù Cang Chải và vùng phụ cận đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới thị trấn Mù Cang Chải và một phần các xã Mồ Dề, Kim Nọi Diện tích: Khoảng 9,278 km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 3.500, dân số quy hoạch: 8.000 người	1.417		UBND huyện Mù Cang Chải	Giữ nguyên Đô thị loại V đến năm 2030	Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đang triển khai; Chi phí khảo sát: Sử dụng kết quả khảo sát của đồ án quy hoạch vùng huyện Mù Cang Chải
3.2	Quy hoạch chung xây dựng xã Púng Luông, huyện Mù Cang Chải đến năm 2035. Tỉ lệ 1/10000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới xã Púng Luông (Ngã Ba Kim). Diện tích: 53,57km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 3.200 người, dân số quy hoạch: 5.000 người	300	100	UBND huyện Mù Cang Chải	Định hướng Đô thị loại V giai đoạn (2026÷2030)	Ngân sách tỉnh 70%, ngân sách huyện 30%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng huyện Mù Cang Chải do bổ sung diện tích khu trung tâm xã
3.3	Quy hoạch chung xây dựng xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải đến năm 2035. Tỉ lệ 1/10000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới xã Nậm Khắt. Diện tích: 118,44km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 3.000 người, dân số quy hoạch: 7.000 người	400	100	UBND huyện Mù Cang Chải	Định hướng phát triển thị trấn du lịch theo quy hoạch vùng huyện Mù Cang Chải	Ngân sách tỉnh 70%, ngân sách huyện 30%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng huyện Mù Cang Chải do bổ sung diện tích khu trung tâm xã

Stt	Danh mục đồ án quy hoạch	Thời gian thực hiện	Dự kiến quy mô	Dự kiến kinh phí lập quy hoạch	Dự kiến kinh phí khảo sát, thu thập bản đồ	Chủ đầu tư	Cấp đô thị (giai đoạn) theo Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	Nguồn vốn	Ghi chú
4	<b>Huyện Trầm Thủy</b>								
4.1	Quy hoạch chung thị trấn Trầm Thủy và vùng phụ cận đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới thị trấn Trầm Thủy, xã Hát Lừu và một phần xã Bán Công Diện tích: Khoảng 25km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 5.500, dân số quy hoạch: 8.000 người	2.600	800	UBND huyện Trầm Thủy	Giữ nguyên Đô thị loại V đến năm 2030	Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5	<b>Huyện Trấn Yên</b>								
5.1	Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Cổ Phúc và vùng phụ cận đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2023÷2024	Toàn bộ ranh giới thị trấn Cổ Phúc, xã Nga Quán và một phần các xã Y Can, Hòa Cường, Minh Quán, Việt Thành Diện tích: Khoảng 43km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 14.000, dân số quy hoạch: 20.000 người	3.100	650	UBND huyện Trấn Yên	Định hướng nâng cấp Đô thị lên loại IV giai đoạn (2021÷2025)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Chi phí khảo sát: Dự kiến rà soát lại kết quả khảo sát đã có, do bổ sung diện tích vùng phụ cận
5.2	Quy hoạch chung xây dựng xã Bảo Đáp, huyện Trấn Yên đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới xã Bảo Đáp. Diện tích: 14,25km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 5.300, dân số quy hoạch: 7.000 người	400	150	UBND huyện Trấn Yên	Định hướng Đô thị loại V giai đoạn (2021÷2025)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, do bổ sung diện tích khu trung tâm xã
5.3	Quy hoạch chung xây dựng xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới xã Hưng Khánh. Diện tích: 30,66km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 3.000, dân số quy hoạch: 5.000 người	300	150	UBND huyện Trấn Yên	Định hướng Đô thị loại V giai đoạn (2021÷2025)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, do bổ sung diện tích khu trung tâm xã
5.4	Quy hoạch chung xây dựng xã Văn Hội, huyện Trấn Yên đến năm 2035.Tỉ lệ 1/5000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới xã Văn Hội. Diện tích: 18,51km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 2.500, dân số quy hoạch: 5.000 người	300	150	UBND huyện Trấn Yên	Định hướng Đô thị loại V giai đoạn (2026÷2030)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, do bổ sung diện tích khu trung tâm xã

Stt	Danh mục đồ án quy hoạch	Thời gian thực hiện	Dự kiến quy mô	Dự kiến kinh phí lập quy hoạch	Dự kiến kinh phí khảo sát, thu thập bản đồ	Chủ đầu tư	Cấp đô thị (giai đoạn) theo Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	Nguồn vốn	Ghi chú
6	<b>Huyện Văn Chấn</b>								
6.1	Quy hoạch chung thị trấn Sơn Thịnh và vùng phụ cận đến năm 2035. Tỉ lệ 1/10000	Năm 2022+2023	Toàn bộ ranh giới thị trấn Sơn Thịnh và các xã Suối Giăng, Đồng Khê, Suối Bư: Diện tích: Khoảng 141km2, dân số hiện trạng: khoảng 13.000, dân số quy hoạch: 20.000 người	3.600	1.000	UBND huyện Văn Chấn	Giữ nguyên Đô thị loại V đến năm 2030	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, do bổ sung diện tích khu trung tâm các xã và thị trấn
6.2	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Nông trường Trần Phú, huyện Văn Chấn đến năm 2030. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2020+2021	Toàn bộ ranh giới Nông trường Trần Phú, huyện Văn Chấn: Diện tích: Khoảng 19,0031km2, dân số hiện trạng: khoảng 5.723, dân số quy hoạch đến 2030: 10.000 người	1.642		UBND huyện Văn Chấn	Giữ nguyên Đô thị loại V đến năm 2030	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Đã được UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ khảo sát lập quy hoạch tại Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 08/4/2019. Đang tiếp tục triển khai dự kiến hoàn thành đồ án trong năm 2021.
6.3	Quy hoạch chung thị trấn Nông trường Liên Sơn, huyện Văn Chấn đến năm 2030. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2020+2021	Toàn bộ ranh giới thị trấn NT Liên Sơn, huyện Văn Chấn: Diện tích: Khoảng 11,3032km2, dân số hiện trạng: khoảng 5000, dân số quy hoạch đến năm 2030: 10.000 người	1.577		UBND huyện Văn Chấn	Giữ nguyên Đô thị loại V đến năm 2030	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Đã được UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ khảo sát lập quy hoạch tại Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 05/4/2019. Đang tiếp tục triển khai dự kiến hoàn thành đồ án trong năm 2021.
6.4	Quy hoạch chung xây dựng xã Gia Hội, huyện Văn Chấn đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2021+2022	Toàn bộ ranh giới xã Gia Hội. Diện tích: 38,05km2, dân số hiện trạng: khoảng 5.600, dân số quy hoạch: 7.000 người	400	150	UBND huyện Văn Chấn	Định hướng nâng cấp Đô thị lên loại V giai đoạn (2026+2030)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, do bổ sung diện tích khu trung tâm xã

Stt	Danh mục đồ án quy hoạch	Thời gian thực hiện	Dự kiến quy mô	Dự kiến kinh phí lập quy hoạch	Dự kiến kinh phí khảo sát, thu thập bản đồ	Chủ đầu tư	Cấp đô thị (giai đoạn) theo Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	Nguồn vốn	Ghi chú
6.5	Quy hoạch chung xây dựng xã Cát Thịnh, huyện Văn Chấn đến năm 2035. Tỉ lệ 1/10000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới xã Cát Thịnh. Diện tích: 168,12km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 9300, dân số quy hoạch: 12.000 người.	420	150	UBND huyện Văn Chấn	Định hướng nâng cấp Đô thị lên loại V giai đoạn (2021÷2025)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, do bổ sung diện tích khu trung tâm xã
6.6	Quy hoạch chung xây dựng xã Tú Lệ, huyện Văn Chấn đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới xã Tú Lệ. Diện tích: 28,67km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 5.500, dân số quy hoạch: 7.000 người	400	150	UBND huyện Văn Chấn	Định hướng nâng cấp Đô thị lên loại V giai đoạn (2021÷2025)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, do bổ sung diện tích khu trung tâm xã
6.7	Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thịnh, huyện Văn Chấn đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới xã Tân Thịnh (Mý). Diện tích: 29,89km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 6.200, dân số quy hoạch: 8.000 người	410	150	UBND huyện Văn Chấn	Định hướng nâng cấp Đô thị lên loại V giai đoạn (2021÷2025)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, do bổ sung diện tích khu trung tâm xã
7	<b>Huyện Văn Yên</b>								
7.1	Quy hoạch chung thị trấn Mậu A và vùng phụ cận đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới thị trấn Mậu A và một phần các xã An Thịnh, Yên Hợp, Mậu Đông, Ngòi A, Yên Thái: (Diện tích: Khoảng 60km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 19.000, dân số quy hoạch: 25.000 người)	3.600	1.000	UBND huyện Văn Yên	Định hướng nâng cấp Đô thị lên loại IV giai đoạn (2021÷2025)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, do bổ sung diện tích khu trung tâm các xã và thị trấn
7.2	Quy hoạch chung xây dựng xã An Thịnh, huyện Văn Yên đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới xã An Thịnh. Diện tích: 26,61km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 8.800, dân số quy hoạch: 12.000 người	420	150	UBND huyện Văn Yên	Định hướng nâng cấp Đô thị lên loại V giai đoạn (2021÷2025)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, do bổ sung diện tích khu trung tâm xã

Stt	Danh mục đồ án quy hoạch	Thời gian thực hiện	Dự kiến quy mô	Dự kiến kinh phí lập quy hoạch	Dự kiến kinh phí khảo sát, thu thập bản đồ	Chủ đầu tư	Cấp đô thị (giai đoạn) theo Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	Nguồn vốn	Ghi chú
7.3	Quy hoạch chung xây dựng xã An Bình, huyện Văn Yên đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2021+2022	Toàn bộ ranh giới xã An Bình (Trái Hút). Diện tích: 36,18km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 4.000 người, dân số quy hoạch: 6.000 người	370	150	UBND huyện Văn Yên	Định hướng nâng cấp Đô thị lên loại V giai đoạn (2021+2025)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, do bổ sung diện tích khu trung tâm xã
7.4	Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Ái, huyện Văn Yên đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2021+2022	Toàn bộ ranh giới xã Xuân Ái. Diện tích: 36,5km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 5.600, dân số quy hoạch: 7.000 người	400	100	UBND huyện Văn Yên	Định hướng nâng cấp Đô thị lên loại V giai đoạn (2026+2030)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, do bổ sung diện tích khu trung tâm xã
8	<b>Huyện Yên Bình</b>								
8.1	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Yên Bình và vùng phụ cận đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2024+2025	Toàn bộ ranh giới thị trấn Yên Bình và một phần diện tích đất tự nhiên thuộc các xã: Phú Thịnh, Thịnh Hưng, Hân Đà, Đại Đồng. Khoảng 51,30 km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 13.000 người, dân số quy hoạch đến năm 2030: 40.000 người.	3.300	700	UBND huyện Yên Bình	Định hướng nâng cấp Đô thị lên loại IV giai đoạn (2021+2025)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát đã có của thị trấn, khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, do bổ sung diện tích khu trung tâm các xã
8.2	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Thác Bà đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2024+2025	Toàn bộ ranh giới thị trấn Thác Bà và một phần diện tích các xã Vĩnh Kiên, Yên Bình: Khoảng 14,96km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 5.400, dân số quy hoạch: 10.000 người.	1.200	300	UBND huyện Yên Bình	Giữ nguyên Đô thị loại V đến năm 2030	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát đã có của thị trấn, khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, do bổ sung diện tích khu trung tâm các xã
8.3	Quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2021+2022	Toàn bộ ranh giới xã Cẩm Nhân. Diện tích: 29,34km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 6.500, dân số quy hoạch: 8.000 người.	410	150	UBND huyện Yên Bình	Định hướng nâng cấp Đô thị lên loại V giai đoạn (2021+2025)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, do bổ sung diện tích khu trung tâm xã

Stt	Danh mục đồ án quy hoạch	Thời gian thực hiện	Dự kiến quy mô	Dự kiến kinh phí lập quy hoạch	Dự kiến kinh phí khảo sát, thu thập bản đồ	Chủ đầu tư	Cấp đô thị (giai đoạn) theo Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	Nguồn vốn	Ghi chú
8.4	Quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm An, huyện Yên Bình đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới xã Cẩm An. Diện tích: 24,64km2, dân số hiện trạng: khoảng 3,000 người, dân số quy hoạch: 4.000 người.	300	150	UBND huyện Yên Bình	Định hướng nâng cấp Đô thị lên loại V giai đoạn (2021÷2025)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, do bổ sung diện tích khu trung tâm xã
<b>III Quy hoạch phân khu xây dựng</b>									
<b>I Thành phố Yên Bái</b>									
1.1	Điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Nam Cường, thành phố Yên Bái. Tỉ lệ 1/2000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới phường Nam Cường với 3,86km2, dân số hiện trạng: khoảng 3.200 người, dân số quy hoạch: 5.000 người.	750	250	UBND thành phố Yên Bái	Định hướng sáp nhập phường Nam Cường với xã Tuy Lộc giai đoạn (2021÷2025) phục vụ định hướng thành phố Yên Bái lên đô thị loại II giai đoạn (2025÷2030)	Ngân sách thành phố 100%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát đã có, rà soát do bổ sung
1.2	QH1 phân khu xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái. Tỉ lệ 1/2000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới xã Âu Lâu với diện tích 15,846 km2, dân số hiện trạng: khoảng 4.600 người, dân số quy hoạch: 7.000 người.	1.800	500	UBND thành phố Yên Bái	Phục vụ định hướng thành phố Yên Bái lên đô thị loại II giai đoạn (2025÷2030)	Ngân sách thành phố 100%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, do bổ sung diện tích các khu vực thuận lợi cho xây dựng
1.3	Quy hoạch phân khu xã Minh Bảo, thành phố Yên Bái. Tỉ lệ 1/2000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới xã Minh Bảo với diện tích 14,989km2, dân số hiện trạng: khoảng 3.200 người, dân số quy hoạch: 6.000 người.	1.700	500	UBND thành phố Yên Bái	Phục vụ định hướng thành phố Yên Bái lên đô thị loại II giai đoạn (2025÷2030)	Ngân sách thành phố 100%	Chi phí khảo sát: Dự kiến tận dụng bản đồ khảo sát của quy hoạch sử dụng đất, do bổ sung diện tích các khu vực thuận lợi cho xây dựng

Sst	Danh mục đồ án quy hoạch	Thời gian thực hiện	Dự kiến quy mô	Dự kiến kinh phí lập quy hoạch	Dự kiến kinh phí khảo sát, thu thập bản đồ	Chủ đầu tư	Cấp đô thị (giai đoạn) theo Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	Nguồn vốn	Ghi chú
1.4	Quy hoạch phân khu xã Tuy Lộc, thành phố Yên Bái. Tỉ lệ 1/2000	Năm 2021+2022	Toàn bộ ranh giới xã Tuy Lộc với diện tích 5,84km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 4.000 người, dân số quy hoạch: 7.000 người.	1.200	380	UBND thành phố Yên Bái	Định hướng sáp nhập phường Nam Cường với xã Tuy Lộc giai đoạn (2021+2025) phục vụ định hướng thành phố Yên Bái lên đô thị loại II giai đoạn (2025+2030)	Ngân sách thành phố 100%	
2	<b>Thị xã Nghĩa Lộ</b>								
2.1	Quy hoạch phân khu xây dựng xã Sơn A, thị xã Nghĩa Lộ. Tỉ lệ 1/2000	Năm 2021+2022	Toàn bộ ranh giới xã Sơn A. Diện tích: 8,64km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 4.700, dân số quy hoạch: 6.000	2.500	580	UBND thị xã Nghĩa Lộ	Dự kiến thành lập phường Sơn A (giai đoạn 2021+2025)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách thị xã 50%	
2.2	Quy hoạch phân khu xây dựng xã Thanh Lương, thị xã Nghĩa Lộ. Tỉ lệ 1/2000	Năm 2021+2022	Toàn bộ ranh giới xã Nghĩa Phúc. Diện tích: 3,11km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 2.930 người, dân số quy hoạch: 5.000 người	1.900	230	UBND thị xã Nghĩa Lộ	Dự kiến thành lập phường Thanh Lương (giai đoạn 2021+2025)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách thị xã 50%	
2.3	Quy hoạch phân khu xây dựng xã Phù Nham, thị xã Nghĩa Lộ. Tỉ lệ 1/5000	Năm 2021+2022	Toàn bộ ranh giới xã Phù Nham. Diện tích: 21,11km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 7.200 người, dân số quy hoạch: 10.000 người	4.000	750	UBND thị xã Nghĩa Lộ	Dự kiến thành lập phường Phù Nham (giai đoạn 2021+2025)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách thị xã 50%	
2.4	Quy hoạch phân khu xây dựng xã Nghĩa Lợi, thị xã Nghĩa Lộ. Tỉ lệ 1/2000	Năm 2021+2022	Toàn bộ ranh giới xã Nghĩa Lợi. Diện tích: 3,7km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 4.135 người, dân số quy hoạch: 6.000 người	2.000	250	UBND thị xã Nghĩa Lộ	Dự kiến thành lập phường Nghĩa Lợi (giai đoạn 2021+2025)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách thị xã 50%	

Stt	Danh mục đồ án quy hoạch	Thời gian thực hiện	Dự kiến quy mô	Dự kiến kinh phí lập quy hoạch	Dự kiến kinh phí khảo sát, thu thập bản đồ	Chủ đầu tư	Cấp đô thị (giai đoạn) theo Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	Nguồn vốn	Ghi chú
2.5	Quy hoạch phân khu xây dựng xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ. Tỉ lệ 1/2000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới xã Nghĩa An. Diện tích: 11.1526 km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 3.104 người, dân số quy hoạch: 5.000 người	2.600	480	UBND thị xã Nghĩa Lộ	Dự kiến thành lập phường Nghĩa An (giai đoạn 2021÷2025)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách thị xã 50%	
2.6	Quy hoạch phân khu xây dựng xã Nghĩa Lộ, thị xã Nghĩa Lộ. Tỉ lệ 1/2000	Năm 2021÷2022	Toàn bộ ranh giới xã Nghĩa Lộ. Diện tích: 17,07 km <sup>2</sup> , dân số hiện trạng: khoảng 5.260 người, dân số quy hoạch: 7.000 người	3.100	650	UBND thị xã Nghĩa Lộ	Dự kiến thành lập phường Nghĩa Lộ (giai đoạn 2021÷2025)	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách thị xã 50%	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>71.416</b>	<b>13.220</b>				